

HỘI KHUYẾN HỌC VIỆT NAM

*Hỏi - Đáp về công tác*  
**KHUYẾN HỌC, KHUYẾN TÀI,  
XÂY DỰNG XÃ HỘI HỌC TẬP**

NHÀ XUẤT BẢN DÂN TRÍ

### **Chỉ đạo nội dung:**

1. Đ/c Nguyễn Thị Doan, Chủ tịch Hội KHVN - Chỉ đạo chung
2. Đ/c Lê Mạnh Hùng, Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký - Chỉ đạo, điều hành biên tập và xuất bản

### **Ban Biên tập:**

*(Theo QĐ số 233/QĐ-KHVN ngày 18/7/2022)*

1. Đ/c Nguyễn Hồng Sơn, Phó Chủ tịch - Trưởng ban;
2. Đ/c Phạm Thị Hòe, Phó Chủ tịch - Phó Trưởng ban;
3. Đ/c Phạm Tất Dong, Cố vấn khoa học - Thành viên;
4. Đ/c Nguyễn Thị Thọ, Chánh Văn phòng - Thành viên;
5. Đ/c Nguyễn Tiến Dũng, Trưởng Ban TT-TT - Thành viên
6. Đ/c Nguyễn Thị Dung, Trưởng ban TC-CB - Thành viên;
7. Đ/c Bùi Thị Thương, Giám đốc NXB Dân Trí - Thành viên;
8. Đ.c Đỗ Tuấn Anh, Chuyên viên Ban TT-TT - Thành viên.

# CÁC THUẬT NGỮ THÔNG DỤNG TRONG LĨNH VỰC KHUYẾN HỌC, KHUYẾN TÀI, XÃ HỘI HỌC TẬP

## 1. Khuyến học là gì?

Khuyến học là một hoạt động có mục đích thúc đẩy, khích lệ, phát huy truyền thống hiếu học, tạo cơ hội và điều kiện cho mọi người dân tham gia học tập để nâng cao chất lượng và hiệu quả của việc làm cũng như để thỏa mãn nhu cầu nhận thức và hoàn thiện năng lực cá nhân.

Trong phong trào khuyến học ở Việt Nam, hoạt động khuyến học góp phần hỗ trợ và thúc đẩy việc Dạy và Học trong hệ thống giáo dục ban đầu, tạo điều kiện để người lớn tham gia các hình thức học tập thường xuyên, suốt đời tại các thiết chế giáo dục không chính quy của hệ thống giáo dục thường xuyên.

Mục đích cuối cùng của hoạt động khuyến học là xây dựng mẫu người học tập suốt đời, tức là mô hình công dân học tập và những mô hình học tập phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, truyền thống văn hóa dân tộc, xu thế phát triển hệ thống giáo dục người lớn trên thế giới để xây dựng Việt Nam thành một xã hội học tập.

## **2. Khuyến tài là gì?**

Khuyến tài vừa là một hoạt động, vừa là một chính sách quốc gia, qua đó khuyến khích và tạo điều kiện để bất cứ ai cũng được học tập, bồi dưỡng nhằm phát huy tối đa năng lực tiềm tàng, trở thành người lao động sáng tạo, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Tài năng con người là yếu tố quan trọng hàng đầu trong xây dựng nguồn nhân lực và nhân lực tại chỗ chất lượng cao. Những nhân tài có nhiều đóng góp xuất sắc cho đất nước, cho dân tộc được nhân dân tôn vinh và biết ơn, được xã hội coi là những bậc hiền tài.

### **3. Ai là hội viên Hội Khuyến học Việt Nam?**

Công dân Việt Nam (kể cả người có quốc tịch Việt Nam đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài) tự nguyện tham gia và tâm huyết với sự nghiệp khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập... đều là hội viên Hội Khuyến học Việt Nam.

- Hội viên chính thức của Hội được cấp thẻ Hội viên và sinh hoạt trong một tổ chức của Hội.

### **4. Hội viên chính thức**

Công dân, tổ chức Việt Nam tán thành điều lệ hội, tự nguyện gia nhập hội, có đủ tiêu chuẩn hội viên theo quy định của điều lệ hội có thể trở thành hội viên chính thức của hội (Điều 16, Nghị định 45/2010/NĐ-CP).

### **5. Hội viên tổ chức**

Là Hội khuyến học hoạt động ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các Chi

hội, Ban khuyến học được tổ chức trong các cơ quan, đơn vị, viện nghiên cứu, trường học... được thành lập hợp pháp theo quy định của pháp luật, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện gia nhập Hội, đều có thể trở thành hội viên chính thức của Hội.

## **6. Hội viên danh dự**

Công dân, và các tổ chức có đóng góp tích cực, hiệu quả cho sự phát triển của Hội, được Hội suy tôn là hội viên danh dự.

## **7. Giải thưởng “Tự học thành tài” là gì?**

Là giải thưởng thường niên thuộc hệ thống Giải thưởng “Nhân tài Đất Việt” của Hội Khuyến học Việt Nam, trao cho các đề tài, phát minh, sáng chế mà tác giả của giải thưởng là hội viên Hội khuyến học, qua thực tiễn sản xuất, tự học, tự nghiên cứu có được những phát minh, sáng chế mang lại hiệu quả về kinh tế, giáo dục, khoa học, xã hội, môi trường... có giá trị, đã được vận dụng vào sản xuất.

## **8. Học bổng “Học không bao giờ cùng” là gì?**

Đó là học bổng do Trung ương Hội KHVN phát động theo lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh nhằm động viên, khen thưởng cho các cá nhân (học sinh, sinh viên, người lớn) có nhiều cố gắng trong học tập, tự học, học suốt đời... đạt kết quả tốt.

Học bổng “Học không bao giờ cùng” được 63 tỉnh, thành Hội trao hàng năm nhân dịp kỷ niệm Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh 19/5.

## **9. Xã hội học tập là gì?**

**Xã hội học tập** (Learning Society) là một *mô hình giáo dục mở*, trong đó, học tập là quyền công dân được ghi nhận trong Luật Giáo dục. Người dân thực hiện quyền học tập suốt đời với ý thức xây dựng một xã hội phát triển bền vững.

Trong xã hội học tập, hệ thống giáo dục ban đầu liên thông với hệ thống giáo dục tiếp

tục; giáo dục thế hệ trẻ gắn kết với giáo dục người lớn; giáo dục chính quy song hành với giáo dục không chính quy; giáo dục nhà trường thống nhất với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội (Quyết định 89/QĐ-TTg, 9/1/2013).

Nhà nước bảo đảm những điều kiện và tạo ra những cơ hội để mọi công dân đều bình đẳng và công bằng xã hội trong tiếp cận giáo dục.

Theo quan điểm của UNESCO thì: *Xã hội học tập là một xã hội trong đó mọi cá nhân đều phải học tập thường xuyên, liên tục, học tập suốt đời; biết tận dụng triệt để các cơ hội học tập do xã hội mang lại. Do đó, học tập trở thành nhu cầu tự thân, là trách nhiệm của mỗi công dân, mỗi gia đình, dòng họ, cộng đồng dân cư, của các ban, ngành, các đoàn thể và trách nhiệm của toàn xã hội.*

## **10. Chủ trương của Đảng về xây dựng Việt Nam thành một xã hội học tập có từ bao giờ?**

Tháng 12/1996, Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VIII) đã



ban hành Nghị quyết về định hướng chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá và nhiệm vụ đến năm 2000; trong đó đã định hướng về một nền giáo dục mở, học tập suốt đời; đây là tiền đề của một xã hội học tập: *“Giáo dục - đào tạo là sự nghiệp của toàn Đảng, của Nhà nước và của toàn dân. Mọi người đi học, học thường xuyên, học suốt đời. Phê phán thói lười học. Mọi người chăm lo cho giáo dục. Các cấp uỷ và tổ chức Đảng, các cấp chính quyền, các đoàn thể nhân dân, các tổ chức kinh tế, xã hội, các gia đình và các cá nhân đều có trách nhiệm góp phần phát triển sự nghiệp giáo dục - đào tạo, đóng góp trí tuệ, nhân lực, vật lực, tài lực cho giáo dục - đào tạo. Kết hợp giáo dục nhà trường, giáo dục gia đình và giáo dục xã hội, tạo nên môi trường giáo dục lành mạnh ở mọi nơi, trong từng cộng đồng, từng tập thể.”*

Tháng 4/2001, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng đã thông qua một Nghị quyết quan trọng, trong đó, về giáo dục có

đoạn khẳng định như sau: “*Đẩy mạnh phong trào học tập trong nhân dân bằng những hình thức giáo dục chính quy và không chính quy, thực hiện giáo dục cho mọi người, cả nước trở thành một xã hội học tập*”.

Để triển khai tư tưởng chiến lược của Đảng về phát triển giáo dục mở, thúc đẩy học tập suốt đời, Chính phủ đã ban hành Quyết định 112/2005/QĐ-TTg (18/5/2005) về xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2005 - 2010, Quyết định 89/QĐ-TTg (9/1/2013) về xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012 - 2020 và Quyết định 1373/QĐ-TTg (30/7/2021) về xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030.

## **11. Để xây dựng xã hội học tập cần có điều kiện nào?**

Có 3 điều kiện cơ bản để bảo đảm cho sự nghiệp xây dựng xã hội học tập thành công:

*Điều kiện I:* Cấp ủy Đảng và Chính quyền các cấp có sự cam kết (thể hiện bằng Chỉ thị,

Nghị quyết, Kế hoạch) bảo đảm địa phương mình thực hiện xây dựng xã hội học tập, không để bất kỳ người dân nào đứng ngoài việc học tập suốt đời.

Ban Bí thư Trung ương Đảng đã khẳng định: “... *Xây dựng xã hội học tập là trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ Quốc và đoàn thể nhân dân các cấp, trước hết là người đứng đầu*”. (Kết luận 49-KL/TW, 10/5/2019).

*Điều kiện II:* Nhà nước và chính quyền các cấp có trách nhiệm huy động mọi nguồn lực cho việc xây dựng xã hội học tập, đồng thời bảo đảm về mặt chính sách, không có bất cứ rào cản nào ảnh hưởng, cản trở cơ hội học tập của người dân.

*Điều kiện III:* Các lực lượng xã hội có nhiệm vụ tham gia xây dựng xã hội học tập ở địa bàn các cấp; Hội Khuyến học đóng vai trò nòng cốt trong việc gắn kết, phối hợp với các lực lượng xã hội triển khai các cuộc vận động nhân dân học tập suốt đời theo đúng tinh thần

xã hội hóa (Chỉ thị 11-CT/TW ngày 13/4/2007 của Bộ Chính trị).

## **12. Những mục tiêu mà sự nghiệp xây dựng XHHT hướng đến là gì?**

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nói “*phải làm cho dân tộc Việt Nam trở thành dân tộc thông thái*”. Tại phiên họp đầu tiên của Chính phủ Cách mạng lâm thời ngày 3/9/1945, Người đã phát biểu: “*Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu... Chúng ta phải làm cho dân tộc ta xứng đáng với nước Việt Nam độc lập*”. (Hồ Chí Minh - Toàn tập, Tập IV, NXB Sự thật, Hà Nội, 1984, tr. 6 - 7.

Làm theo lời dạy của Người, ngày nay Đảng và Nhà nước chủ trương xây dựng xã hội học tập hướng tới những mục tiêu sau:

1. *Đối với người dân*: Phát huy những năng lực tiềm tàng của mỗi người để phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; làm sao để mỗi người dân đều có nghề, có việc làm ổn định,

thu nhập ngày càng cao, đời sống cá nhân và gia đình được cải thiện...;

2. *Đối với xã hội*: Xã hội học tập sẽ góp phần

- Phát triển sản xuất, tăng trưởng kinh tế, xã hội giàu đẹp.
- Xây dựng nền văn hóa dân tộc, hiện đại, hội nhập.
- Bảo vệ môi trường bền vững.

3. *Hiệu quả của việc xây dựng và phát triển xã hội học tập*:

Hình thành và phát triển mô hình giáo dục mở trong điều kiện Cách mạng công nghiệp 4.0 theo hướng chuyển đổi số, góp phần hình thành nền kinh tế tri thức trong xã hội số hóa.

### **13. Thế nào là học tập suốt đời?**

Học tập suốt đời (Lifelong Learning) là một phương thức học hỏi của cá nhân, *là hành trình tìm kiếm tri thức do mỗi người thực hiện bên bỉ trong suốt cuộc đời để tích lũy kiến thức,*

hoàn thiện học vấn và tay nghề, rèn luyện những kỹ năng và xác định thái độ đúng đắn.

Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: *“Học hỏi là một việc phải tiếp tục suốt đời. Suốt đời phải gắn liền lý luận với công tác thực tế. Không ai có thể tự cho mình đã biết đủ rồi, biết hết rồi. Thế giới ngày ngày đổi mới, nhân dân ta ngày càng tiến bộ, cho nên chúng ta phải tiếp tục học và hành để tiến bộ kịp nhân dân”* (Hồ Chí Minh - Bài nói tại trường Đại học Nhân dân ngày 21/7/1956. Toàn tập, Tập VII, Nhà XB Sự thật, 1987, tr. 480).

Học tập suốt đời lấy tự học làm cách học cốt yếu. Tổ chức UNESCO coi *“HTSD là việc học diễn ra trong suốt cuộc đời, từ lúc mới sinh cho tới khi về già”* và khuyến cáo các quốc gia giúp người dân của mình học tập suốt đời dựa trên 4 trụ cột: *Học để biết, học để làm, học để chung sống, học để làm người.*

#### **14. Giáo dục ban đầu là gì?**

Giáo dục ban đầu (Initial Education) là một hệ thống những thiết chế giáo dục chính

quy, gồm các trường học, các cơ sở đào tạo với các cấp học, bậc học từ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục chuyên nghiệp đến giáo dục đại học.

Ngay từ bây giờ, những năm đầu của thập niên 2021 - 2030, giáo dục ban đầu nhất thiết phải gắn với chuyển đổi số, các thiết chế giáo dục ban đầu phải nhanh chóng thích ứng với môi trường số.

## **15. Giáo dục tiếp tục là gì?**

Giáo dục tiếp tục (Continuing Education) là một hệ thống những thiết chế giáo dục không chính quy, bao gồm những trường lớp, cơ sở đào tạo giúp việc học suốt đời của người lớn, nhất là những người đang lao động trong các lĩnh vực khác nhau thuộc nền kinh tế quốc dân.

Giáo dục tiếp tục gồm một hệ thống rất đa dạng các cơ sở có khả năng cung ứng các dịch vụ giáo dục như: Trung tâm giáo dục thường xuyên, Trung tâm học tập cộng đồng, Trung tâm ngoại ngữ, tin học, Thư viện, Nhà

văn hóa, Câu lạc bộ, các lớp dạy nghề truyền thống, cơ sở truyền nghề và các cơ sở giáo dục không chính quy khác... (Luật Giáo dục 2019).

Ở Việt Nam, thuật ngữ “Giáo dục tiếp tục” về cơ bản được hiểu và thay thế bằng thuật ngữ “Giáo dục thường xuyên” (GDTX).

Những người đã học qua vòng giáo dục ban đầu hoặc không qua đầy đủ chương trình học tập của hệ thống giáo dục chính quy ban đầu sẽ học tập tại hệ thống giáo dục tiếp tục (GDTX) theo hướng “cần gì học nấy”. Giáo dục tiếp tục là hệ thống giáo dục tập trung chủ yếu cho người lớn. Những người tham gia học tập trong hệ giáo dục tiếp tục có thể theo định hướng bằng cấp hoặc không theo đuổi bằng cấp.

Giáo dục tiếp tục có nhiệm vụ quan trọng là góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tại chỗ.

## **16. Thế nào là giáo dục mở?**

Giáo dục “Mở” (Open Education) là *hoạt động giáo dục trên cơ sở dỡ bỏ mọi loại rào cản*



*về cơ hội học tập và công nhận tham gia học tập tại cơ sở giáo dục cho mọi người, trước hết là những rào cản đối với việc nhập học.*

Giáo dục mở không yêu cầu chỉ tiêu tuyển sinh; việc cung ứng dịch vụ giáo dục cũng dưới hình thức đa dạng, trực tiếp và trực tuyến. Nó mở rộng khả năng tiếp cận việc học và đào tạo truyền thống vốn được cung cấp ở hệ thống giáo dục chính quy.

Giáo dục mở thể hiện sự dân chủ hóa và cá nhân hóa trong quá trình giáo dục, đào tạo về nhiều phương diện: Mở về đối tượng, mở về nội dung, mở về phương pháp, mở về không gian và thời gian học tập, mở về ý tưởng...

Xã hội học tập là mô hình giáo dục thật sự Mở cho mọi công dân tham gia học tập suốt đời.

## **17. Công dân học tập ở Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025 cần có những năng lực nào?**

Công dân học tập (Learning Citizen) là mô hình người dân học tập trong xã hội học tập với

những năng lực cốt lõi (Core competences), có những kỹ năng cơ bản (Basic skills) và những phẩm chất mong muốn (Desirable qualities) để học tập và tự học suốt đời theo những tiêu chí do Nhà nước quy định.

Trong mỗi giai đoạn phát triển của xã hội, những tiêu chí đánh giá công dân học tập sẽ được xác định một cách cụ thể, sao cho chất lượng của công dân học tập giai đoạn sau được nâng cao hơn so với giai đoạn trước.

Ở Việt Nam, trong giai đoạn 2021 - 2025, công dân học tập phải có 3 năng lực cốt lõi sau:

- *Năng lực tự học, học tập suốt đời;*
- *Năng lực sử dụng công cụ phục vụ quá trình làm việc;*
- *Năng lực xây dựng và thực hiện các mối quan hệ xã hội.*

Trong từng năng lực cốt lõi có những kỹ năng cơ bản và những phẩm chất cần có, là những chỉ số đo cụ thể đối với năng lực đó.

Chất lượng của công dân học tập là yếu tố cơ bản góp phần tạo nên chất lượng nguồn nhân lực và nhân lực tại chỗ.

### **18. Công dân số cần có những kỹ năng nào để đáp ứng yêu cầu của Chương trình chuyển đổi số quốc gia?**

Một **công dân số** (*Digital citizen*) là người có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để giao tiếp với người khác, tham gia vào các hoạt động xã hội, kinh doanh và chính trị trên nền tảng kỹ thuật số. Công dân kỹ thuật số hay công dân số là người có kỹ năng, kiến thức có thể truy cập Internet thông qua máy tính, điện thoại di động và các thiết bị số khác để tương tác với cá nhân, tổ chức và cộng đồng.

Công dân số thực chất là công dân toàn cầu; họ cần có trách nhiệm đạo đức với hành vi của mình trên nền tảng kỹ thuật số, sử dụng công nghệ để thúc đẩy kết nối cộng đồng trên toàn cầu và cùng nhau chia sẻ thông tin.

Nhiều nhà nghiên cứu đã điểm ra những kỹ năng số cần cho con người trong thập niên 2021 - 2030; nhưng những kỹ năng được nhắc đến nhiều nhất là kỹ năng truy cập số (Digital Access), thương mại số (Digital Commerce), truyền thông số (Digital Communication), kiến thức số (Digital Literacy), nghi thức số (Digital Etiquette), luật lệ số (Digital Law), quyền và trách nhiệm số (Digital Rights & Responsibilities), sức khỏe số (Digital Health & Wellness) và an ninh số (Digital Security).

## **19. Ai là công dân toàn cầu?**

Công dân toàn cầu (Global Citizen) là những người sống và làm việc ở nhiều quốc gia khác nhau. Họ có thể mang một hoặc nhiều quốc tịch. Khái niệm công dân toàn cầu xuất hiện đã làm thay đổi cách hiểu và giá trị về biên giới, lãnh thổ, chính trị, văn hóa, quản lý nhà nước và cả ngành tư pháp quốc tế (Wikipedia).

Những tiêu chí đánh giá xác định công dân toàn cầu là: tri thức toàn cầu, kỹ năng

toàn cầu, có cơ hội tìm kiếm việc làm toàn cầu, tư duy toàn cầu và tinh thần chấp nhận, tôn trọng sự khác biệt văn hóa trên toàn cầu.

## **20. Thế nào là tự học?**

*Tự học là quá trình tự tìm kiếm, tiếp thu những kiến thức, rèn luyện những kỹ năng mà không có sự hướng dẫn của người khác. Bản thân người học phải tổ chức việc thu nạp kiến thức và áp dụng điều đã học vào những việc cần kiến thức đó. Họ phải tự xây dựng một kế hoạch học tập cho riêng mình để tích lũy một khối lượng kiến thức cần thiết và các phương pháp để truy cập đủ những kiến thức mà họ cần.*

Tự học là một quá trình “Học tập - Phát triển” mà bất cứ ai muốn học tập suốt đời đều phải thực hiện. Hiểu theo nghĩa rộng, *tự học bao gồm cả tự tu dưỡng, tự hoàn chỉnh nhân cách* để trở thành con người hữu ích cho xã hội.

## 21. Học tập từ xa là gì?

Học tập từ xa (Distance Learning) là phương thức học mà phần lớn có sự giãn cách giữa người dạy và người học. Phương thức này có từ những năm đầu thế kỷ 20, nhưng trên thực tế chỉ phát triển vào cuối thế kỷ 20 và nở rộ từ khi có mạng Internet.

Theo phương thức từ xa truyền thống, người học triển khai việc học qua thư. Cơ sở đào tạo gửi tài liệu học tập qua bưu điện. Việc làm bài tập, kiểm tra định kỳ và thi hết khóa học cũng bằng thư.

*Khi có mạng Internet, việc học trực tuyến đã thay thế cách học từ xa truyền thống. Học trực tuyến hấp dẫn đông đảo người học, nhất là người theo học các khóa đào tạo bậc đại học.*

Có 6 xu hướng học từ xa trực tuyến đang trở nên thịnh hành:

1. Học qua thiết bị di động thông minh.
2. Học trong thực tế ảo.

3. Học trên các kênh/tiện ích truyền thông đa phương tiện.

4. Học nhanh (mỗi bài giảng thường không quá 20 phút).

5. Sử dụng Big Data để tự học, không cần người giảng.

6. Theo học qua các diễn đàn, hội thảo, nhóm chia sẻ...

## **22. Thế nào là học tập ngoại tuyến?**

Học tập ngoại tuyến (Offline Learning) là phương thức học truyền thống, *người học phải tham gia lớp học và học trực tiếp với giáo viên*. Đó là cách học “mặt giáp mặt” (face to face) “Thầy giáo - học viên”. Học ngoại tuyến yêu cầu người học phải di chuyển đến cơ sở giáo dục, đào tạo, có mặt vào những giờ cố định, theo một chương trình và kế hoạch thời gian cụ thể và cố định.

Đặc trưng cơ bản của học ngoại tuyến là có sự tương tác trực tiếp giữa người dạy với người

học, thông qua việc sử dụng các tài liệu, thiết bị học tập có sẵn và không cần kết nối mạng.

### **23. Học tập trực tuyến là gì?**

Học tập trực tuyến (Online Learning) là phương thức học diễn ra trên môi trường Internet. Người ta dùng thuật ngữ khác nhau để chỉ phương thức học trực tuyến như Online Learning (Học kết nối với Internet), E-Learning (Học điện tử)... Đây là *phương thức học trên môi trường số hóa*, thông qua thiết bị nối mạng, người học có thể tiếp thu kiến thức thông qua các bài giảng điện tử (có sẵn hoặc nghe trực tiếp). *Học tập trực tuyến cũng chỉ là một hình thức của “học từ xa”*.

Đặc điểm của học trực tuyến là tính tương tác cao và đa dạng giữa người dạy với người học. Theo đó, giảng viên và học viên có thể trao đổi với nhau qua các ứng dụng công nghệ - phần mềm khác nhau như: Chat, Email, Zoom, diễn đàn trực tuyến, hội thảo trực tuyến...



## 24. Thế nào là học tập tại nhà?

Học tập tại nhà (Homeschooling) là hình thức tự học được thực hiện tại nơi đang ở. Việc học này thường không có sự hướng dẫn của người khác. Khi Internet băng thông rộng và các thiết bị cầm tay phát triển, khái niệm *học tập tại nhà* được hiểu là *học tập trực tuyến tại chính ngôi nhà đang sống*. Những phương tiện giúp cho việc học tập tại nhà là máy tính bàn, điện thoại thông minh, máy tính bảng, iPad, các thiết bị kỹ thuật số hỗ trợ cá nhân kết nối Internet...

Với phương thức học tập tại nhà, người học khắc phục được khoảng cách địa lý từ nhà tới lớp học mà kiểu học trực tiếp truyền thống không tránh khỏi. Họ không bị lệ thuộc vào thời tiết, đồng thời chi phí cho học tập không nhiều.

Người ta có thể học tập tại nhà với những khóa học có chứng chỉ, bằng cấp, kể cả những khóa học được tổ chức từ nước ngoài.

## **25. Học tập tại nơi làm việc là gì?**

Học tập tại nơi làm việc là phương thức tổ chức học tập tại cơ quan, doanh nghiệp, trường học, bệnh viện, công xưởng... cho cán bộ, công chức, nhân viên kỹ thuật và người lao động. Họ cần và sẽ được bổ sung kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp thường xuyên, phục vụ công việc và thông qua chính công việc hàng ngày của họ.

Các cơ quan, xí nghiệp, cơ sở sản xuất, trường học... và nhất là các doanh nghiệp đã tổ chức các lớp học, các khóa học, thậm chí là các trường học, các cơ sở đào tạo và đào tạo lại cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của mình theo những chương trình phù hợp với yêu cầu nâng cao trình độ học vấn và kỹ năng nghề. Phương thức tổ chức này ngày càng phổ biến.

## **26. Thế nào là học tập di động?**

Học tập di động (Mobile Learning, M-Learning) được hiểu là học tập trên những

thiết bị di động thông minh. Những thiết bị thường được sử dụng phổ biến là máy tính bảng và điện thoại di động... và có thể học ở bất cứ nơi nào có kết nối Internet.

Học tập di động được đánh giá cao bởi nó có tính chủ động và rất tiện lợi, hiệu quả và linh hoạt. Phương thức học này ngày càng phổ biến. Ngày nay, học tập di động đã trở thành cách học tập “toàn cầu hóa”.

## **27. Thế nào là học mọi lúc, mọi nơi?**

Học mọi lúc, mọi nơi (Ubiquitous Learning, U-Learning) là cách học linh hoạt, chủ động của những người có ý thức tự học. *“Đây là một môi trường học tập được hỗ trợ bởi các máy tính di động và những mạng không dây trong cuộc sống hàng ngày, nhằm mục đích cung cấp cho người học nội dung và tương tác vào bất cứ lúc nào và ở bất cứ nơi đâu.”* (Wikipedia)

Sự phát triển của Internet đã giúp những người tự học tìm được giải pháp học mọi lúc,

mọi nơi một cách thích hợp. Điều kiện phải có là:

- Có máy tính xách tay kết nối mạng (Personal Computer) gọn nhẹ hoặc điện thoại thông minh (Smartphone);

- Có dữ liệu học tập đủ lớn đáp ứng nhu cầu cá nhân;

- Có tinh thần trách nhiệm, ý thức tự học và hứng thú học tập.

## **28. Thế nào là học tập ảo?**

Học tập ảo (Virtual Learning) là việc học được tiến hành trong môi trường học tập ảo (Virtual Learning Environment). Người học không tiếp xúc trực tiếp với người dạy và tài liệu in mà thông qua các nền tảng công nghệ hỗ trợ số hóa.

Người chọn phương thức học tập ảo thường tương tác với nhiều người cùng học ảo với mục tiêu giống nhau, nhờ đó tăng chất lượng và

hiệu quả học tập. Tại các doanh nghiệp, việc học tập ảo thường được khuyến khích khi người lao động cần có thêm những kỹ năng lao động mới do nơi làm việc được trang bị lại về kỹ thuật, công nghệ mới.

## **29. Thế nào là học để biết?**

Học để biết (Learning to know) là *quá trình con người tiếp nhận tri thức để mở mang hiểu biết cá nhân về đời sống, tự nhiên, xã hội và các mối quan hệ giữa chúng... Học để biết là mục đích đầu tiên của việc học.* (UNESCO)

Đây là cách học không chỉ quan tâm đến lượng thông tin có trong sách vở, mà là một quá trình mở rộng không ngừng những kiến thức, từ đó xử lý kiến thức để trở thành tri thức của riêng mình. Người học phải có được những tri thức để dùng chúng như một phương tiện hoạt động và coi tri thức là kết quả cuối cùng của quá trình học tập.

### **30. Thế nào là học để làm?**

*Học để làm (Learning to do) là mục đích tiếp theo của việc học. “Làm” là vận dụng kiến thức đã học được vào thực tế cuộc sống. Đây là mục đích thiết thực nhất của việc học - “Học đi đôi với hành”. (UNESCO)*

Làm để tạo ra những giá trị vật chất, tinh thần phục vụ nhu cầu cuộc sống của bản thân và góp phần tạo nên của cải cho xã hội. Học mà không làm thì kiến thức có được không có ích, không bền vững, không được sàng lọc và không thể làm mới...

Con người phải luôn học hỏi để có những kỹ năng mới đáp ứng yêu cầu của công việc mới, và trong nhiều trường hợp, là để di chuyển từ việc/ngành này sang việc/ngành khác.

### **31. Thế nào là học để chung sống?**

*Học để chung sống (Learning to live together) là thông qua việc học giúp con người*

có khả năng hòa nhập xã hội, kỹ năng giao tiếp, ứng xử... để tự thích nghi với mọi môi trường sống, các quan hệ phức tạp của xã hội, để trong quá trình sống không bị tụt hậu, lạc lõng. Đây là hệ quả tất yếu của việc “biết”, “làm”. (UNESCO)

Đây là một trong những mục đích quan trọng nhất của việc học. Bởi lẽ, “con người là tổng hòa những mối quan hệ xã hội”. Bản chất, giá trị, nhân cách của con người được hình thành, nuôi dưỡng, khẳng định, thử thách trong các mối quan hệ đó. Thông qua việc học mà rèn luyện nhân cách, trở thành người có văn hóa, có đạo đức, biết cách ứng xử phù hợp trong mọi trường hợp, chấp nhận sự đa dạng văn hóa, có khả năng hòa nhập và hội nhập.

## **32. Thế nào là học để làm người? (Tự khẳng định mình)**

Học để làm người (*Learning to be*): Là mục đích sau cùng của việc học. “Tự khẳng định mình” là tạo được vị trí, chỗ đứng vững vàng

*trong xã hội, thể hiện sự tồn tại có ý nghĩa của cá nhân mình trong cuộc đời. Mỗi con người chỉ có thể khẳng định mình khi có hiểu biết, có năng lực hành động, có khả năng chung sống.*  
(UNESCO)

Từ việc học, mỗi người có cơ hội khẳng định tri thức mình tích lũy được; khẳng định khả năng lao động, sáng tạo; khẳng định nhân cách, phẩm chất...

Đó là một hành trình nội tại, trải qua mọi giai đoạn trưởng thành và chín muồi của nhân cách. Học tập và tự học tập là phương thức giúp cho con người thành công trong cuộc đời lao động, là quá trình cá nhân hóa, đồng thời là quá trình xây dựng và hoàn thiện sự tương tác xã hội.

### **33. Giáo dục chính quy là gì?**

Giáo dục chính quy (Formal Education) là *giáo dục theo khóa học trong cơ sở giáo dục để thực hiện một chương trình giáo dục nhất định,*



*được thiết lập theo mục tiêu của các cấp học, trình độ đào tạo và được cấp văn bằng của hệ thống giáo dục quốc dân. (Luật Giáo dục 2019)*

Đây là hệ thống giáo dục có tổ chức chặt chẽ về chương trình, nội dung và kế hoạch dạy học theo một trật tự thời gian được quy định như một pháp lệnh. Việc dạy học, kiểm tra, đánh giá, thi cử, cấp văn bằng/chứng chỉ... được quản lý chặt chẽ theo Luật Giáo dục.

Hệ thống các thiết chế giáo dục chính quy bao gồm các trường lớp từ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục chuyên nghiệp/nghề nghiệp đến giáo dục đại học. Việc học tập trong hệ thống giáo dục chính quy được gọi là học chính quy.

### **34. Giáo dục thường xuyên là gì?**

Giáo dục thường xuyên (Continuing Education) là *giáo dục để thực hiện một chương trình giáo dục nhất định, được tổ chức linh hoạt về hình thức thực hiện chương trình,*

*thời gian, phương pháp, địa điểm, đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của người học. (Luật Giáo dục 2019)*

Giáo dục thường xuyên nhằm tạo điều kiện cho mọi người vừa làm vừa học, học liên tục, học tập suốt đời nhằm phát huy năng lực cá nhân, hoàn thiện nhân cách, mở rộng hiểu biết, nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn, nghiệp vụ để tìm việc làm, tự tạo việc làm và thích nghi với đời sống xã hội; góp phần xây dựng xã hội học tập.

Các hình thức thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên bao gồm: Vừa làm vừa học; Học từ xa; Tự học, tự học có hướng dẫn; và hình thức học khác theo nhu cầu của người học. Giáo dục thường xuyên được thực hiện tại cơ sở giáo dục thường xuyên, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học, cơ sở văn hóa, tại nơi làm việc, cộng đồng dân cư, qua phương tiện thông tin đại chúng và phương tiện khác.

### **35. Giáo dục không chính quy là gì?**

Giáo dục không chính quy (GDKCQ) (Non-Formal Education) là các hoạt động giáo dục có tổ chức, được tiến hành bên ngoài hệ thống giáo dục chính quy, nhằm phục vụ các nhu cầu học tập khác nhau của nhiều nhóm đối tượng đa dạng trong xã hội, có thể dẫn tới hoặc không dẫn tới văn bằng, chứng chỉ.

Chương trình giáo dục không chính quy chủ yếu là chương trình giáo dục người lớn, nhằm giúp họ có thêm kiến thức và kỹ năng làm việc, nâng cao học vấn và tay nghề tại cơ sở giáo dục không chính quy, việc tổ chức giảng dạy và đào tạo có tính mềm dẻo, linh hoạt, đáp ứng nhu cầu đa dạng về học tập của người học. Tuy nhiên, nội dung và phương pháp đào tạo ở đây cũng được thiết kế với những yêu cầu nhất định.

### **36. Giáo dục phi chính quy là gì?**

Giáo dục phi chính quy (GDPCQ) (Informal Education) còn gọi là giáo dục không chính

thức, là quá trình học tập không qua hệ thống trường lớp chính quy và không chính quy. Người học có được những kiến thức, kỹ năng, thái độ từ các người khác trong môi trường sống như gia đình, nhà văn hóa, câu lạc bộ, các hội nghị, hội thảo... hoặc qua các phương tiện báo chí, truyền thông, mua sắm, du lịch v.v...

GDPCQ là phương thức “Cần gì học nấy”, nhờ đó con người thích ứng nhanh với những thay đổi trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, môi trường. GDPCQ thường không dẫn đến văn bằng, chứng chỉ. Ở Việt Nam, trong văn bản pháp quy chưa có khái niệm giáo dục phi chính quy. Nó được nhập vào cùng khái niệm giáo dục không chính quy.

### **37. Giáo dục nghề nghiệp là gì?**

Giáo dục nghề nghiệp là một bậc học của hệ thống giáo dục quốc dân nhằm đào tạo trình độ sơ cấp, trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng và các chương trình đào tạo nghề nghiệp khác

cho người lao động, đáp ứng nhu cầu nhân lực trực tiếp trong sản xuất, kinh doanh và dịch vụ, được thực hiện theo hai hình thức là đào tạo chính quy và đào tạo thường xuyên. (Theo Luật GD nghề nghiệp 2014).

Đào tạo nghề là nhiệm vụ trọng tâm trong phát triển nguồn nhân lực, gắn với việc giải quyết nhu cầu việc làm của người lao động.

### **38. Giáo dục người lớn là gì?**

Theo UNESCO, *“Giáo dục người lớn là quá trình giáo dục có tổ chức, dưới hình thức chính quy hay không chính quy, kéo dài hay thay thế giáo dục ban đầu (ở trường phổ thông hay trường đại học) cho những ai được coi là người lớn, nhằm làm giàu thêm kiến thức, nâng cao chất lượng chuyên môn và tay nghề, thay đổi thái độ và hành vi của họ trong phát triển cá nhân cũng như trong phát triển cộng đồng”*.

Thuật ngữ “người lớn” ở đây dùng để chỉ những người trưởng thành về thể chất và trí

tuệ, đủ tuổi tham gia lao động sản xuất theo Luật Lao động và những người đã nghỉ hưu theo quy định.

Giáo dục người lớn chủ yếu thông qua hình thức giáo dục thường xuyên.

### **39. Giáo dục chính quy cho người lớn là gì?**

Khi đã trở thành người lao động, việc học tập thường xuyên của người lớn chủ yếu được tiến hành dưới hình thức không chính quy. Tuy nhiên, trong kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức và những người tham gia công tác đoàn thể như Công đoàn, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên..., một số người có triển vọng phát triển để thành cán bộ cốt cán. Họ thường được chọn học các khóa đào tạo, huấn luyện theo một chương trình được quy định chặt chẽ về nội dung, phương pháp, thời gian, kiểm tra, đánh giá, thực tập... và được cấp chứng chỉ hoặc văn bằng.

Ở Việt Nam, Học viện Chính trị quốc gia, Học viện Hành chính quốc gia, các loại hình trường cán bộ quản lý của các Bộ, ngành, Trường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của Tổng Liên đoàn Lao động, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Phụ nữ Việt Nam v.v... là những cơ sở đào tạo chính quy dành cho người lớn.

#### **40. Thế nào là giáo dục mở, hệ thống giáo dục mở?**

Giáo dục mở (Open Education) được hiểu là mở rộng khả năng tiếp cận giáo dục cho mọi người so với giáo dục chính quy thông thường qua nhiều phương thức đào tạo, bằng nhiều nguồn tư liệu từ tài nguyên giáo dục mở và môi trường học tập khác nhau, các khóa học mở. Giáo dục mở được coi như một triết lý với các hoạt động thực hành có hiệu quả tích cực, được kỳ vọng tập trung vào người học, linh hoạt liên thông giữa các yếu tố bên trong và ngoài hệ thống, tạo cơ hội tiếp cận giáo dục cho

mọi người. Từ “mở” trong “giáo dục mở” có hàm ý: dỡ bỏ bớt các rào cản hạn chế cơ hội tham dự của người học cũng như công nhận kết quả học tập tại cơ sở giáo dục.

Mở ở đây có thể coi như chìa khóa, cho phép truy cập tự do nguồn tài liệu vô tận một cách miễn phí, thậm chí sửa đổi, sử dụng thông tin và mạng truyền thông sao cho có thể cá nhân hóa tối đa việc học của mỗi người.

Hệ thống giáo dục mở là hệ thống giáo dục phát triển dựa trên nền tảng giáo dục mở, bình đẳng, tạo cơ hội học tập cho tất cả mọi người, khơi dậy tài năng của người học. Để có thể thực hiện điều này, cần xây dựng cơ sở hạ tầng cho nền giáo dục mở, gồm hệ thống học tập vừa trực tiếp và trực tuyến, phát triển tài nguyên giáo dục mở, xây dựng và phát triển hệ thống công nghệ thông tin hỗ trợ việc học tập và tra cứu... tạo điều kiện cho mọi người được học tập thường xuyên, liên tục, suốt đời, hình thành một xã hội học tập.



## 41. Những hướng chính của giáo dục mở là gì?

Tính mở của giáo dục mở hiện đang triển khai theo những hướng sau đây:

### 1. Mở về đối tượng học (*Open to people*)

Giáo dục mở thúc đẩy và hỗ trợ học viên mọi lứa tuổi, mọi trình độ học vấn, mọi cương vị xã hội, không phân biệt giàu nghèo, giới tính, dân tộc, nghề nghiệp.

### 2. Mở về không gian, thời gian (*Open to places and times*)

Giáo dục mở chủ trương học mọi lúc, mọi nơi, làm giảm chi phí và thời gian đi lại từ nhà, từ nơi làm việc tới nơi học. Hình thức học tập linh hoạt, tạo cho người học có thể chọn cách học: Học ở nhà (Home Learning, Homestudy), học tại nơi làm việc (Learning at work), học mọi lúc mọi nơi (Ubiquitous learning).

### 3. Mở về phương pháp học tập (*Open to Methods*)

Trường học có thể dùng nhiều phương pháp ngoài phương pháp trực tiếp (mặt giáp mặt) như học trực tuyến (Online learning), học kết hợp trực tiếp và trực tuyến, học theo bản đồ tư duy (Mind map learning)...

#### *4. Mở về chương trình học tập (Open to Curriculum)*

Người học có thể tùy chọn chương trình học hoặc tự thiết kế chương trình, qua đó đạt tới văn bằng hoặc trình độ mong muốn.

## **42. Tài nguyên giáo dục mở là gì?**

Tài nguyên giáo dục truy cập mở (*Open educational resource*) bao gồm tất cả các dạng tài liệu phục vụ giảng dạy, học tập trong nhà trường được xuất bản rộng rãi với quyền truy cập mở. Bản chất của loại tài liệu này cho phép việc nhân bản, sử dụng, thay đổi và chia sẻ lại nội dung tài liệu hoàn toàn miễn phí và hợp pháp. Tài nguyên giáo dục mở bao gồm nhiều loại từ sách giáo khoa đến chương trình

đào tạo, đề cương môn học, bài giảng, bài tập, bài kiểm tra, báo cáo, âm thanh, hình ảnh và chương trình mô phỏng... (theo UNESCO)

Tài nguyên giáo dục mở là một kho các học liệu có giấy phép sử dụng mở, ai cũng có thể tự do truy cập, sao chép, sử dụng và chia sẻ. Tài nguyên giáo dục mở ở nước ta đang phát triển theo hướng số hóa và Việt hóa (nếu đó là học liệu bằng tiếng nước ngoài).

### **43. Học liệu mở là gì?**

Học liệu mở (Open Course Ware) là các tài liệu học tập có chất lượng, được số hóa trong các chương trình học chính thức, có thể truy cập mở tại những khóa học miễn phí trên mạng.

Thuật ngữ Học liệu mở (OpenCourseWare) được Viện Công nghệ Massachusetts - MIT (Mỹ) khai sinh vào năm 2002 khi quyết định đưa toàn bộ nội dung giảng dạy của mình lên mạng và cho phép người dùng Internet ở mọi nơi trên thế giới truy nhập hoàn toàn miễn

phí. Sáng kiến này cho phép các trường đại học khắp thế giới có thể tham gia cung cấp và mở rộng việc truy cập tài liệu học tập; tạo cơ hội cho những người không có điều kiện (hạn chế về không gian, thời gian, tài chính) tham gia hoạt động giảng dạy và học tập.

#### **44. Thế nào là khóa học trực tuyến đại chúng mở?**

Khóa học trực tuyến đại chúng mở (Massive open online courses - MOOC) là khóa học thông qua Internet, không giới hạn số người tham dự. Xuất phát từ ý tưởng giáo dục từ xa, khóa học trực tuyến đại chúng mở có tiềm năng thay đổi nền giáo dục thế giới, đặc biệt là giáo dục đại học (Wikipedia).

Có nhiều mô hình MOOC đang được triển khai:

- xMOOC (Transmissive MOOC - khóa học trực tuyến theo phương thức truyền thụ kiến thức). Người hướng dẫn truyền đạt nội dung học theo cách dạy trực tiếp.

- cMOOC (Connection MOOC - khóa học trực tuyến kết nối). Người học tự xây dựng nội dung học tập và quản lý tiến độ học tập dựa trên tài liệu được cung cấp.
- SPOC (Small private online course - khóa học trực tuyến quy mô nhỏ, có học phí).
- SOOC (Small open online course - khóa học trực tuyến quy mô nhỏ cần phân loại người học theo bài kiểm tra đầu vào) để hỗ trợ về tính ứng dụng cho các lớp của trường đại học.

#### **45. Thế nào là giấy phép đối với việc sử dụng tài nguyên giáo dục mở?**

Giấy phép cho sử dụng tài nguyên giáo dục mở (Giấy phép Creative Commons - CC) là việc cấp quyền cho phép người học được truy cập tài nguyên giáo dục mở. Creative Commons là tên một tổ chức phi lợi nhuận tập trung vào việc mở rộng số lượng các tác phẩm có tính sáng tạo mà người khác có thể sử dụng, chia sẻ hoặc tạo lại.

Chủ sở hữu các tài liệu, các tác phẩm đồng ý cho sản phẩm của mình được người khác truy cập sử dụng, chia sẻ, phối lại, tạo lại... với 4 mức trao quyền:

- *Tác giả được ghi công (Attribution - Ký hiệu BY)*: Cho phép người khác sao chép, sử dụng, phân phối tác phẩm có bản quyền nhưng phải ghi rõ tác giả theo quy định của giấy phép CC.
- *Tài liệu phi thương mại (Non - Commercial - Ký hiệu NC)*: Cho phép người sử dụng tài liệu có quyền như đối với hình thức ghi công, nhưng không được thương mại hóa tài liệu đó.
- *Không được có tác phẩm phái sinh (Non - Derivative - Ký hiệu ND)*: Chỉ cho phép sử dụng tác phẩm gốc, không có tác phẩm được làm ra từ nguyên gốc.
- *Chia sẻ tương tự (Share Alike - Ký hiệu SA)*: Cho phép sử dụng tài liệu phái sinh tương tự như giấy phép sử dụng tài nguyên gốc.

## **46. Năng lực là gì?**

Năng lực (Competence) là những đặc điểm (thuộc tính) về tâm lý và sinh lý giúp cho con người hoàn thành một công việc, một hoạt động nào đó. Sự phát triển năng lực của con người vô cùng đa dạng, tạo nên cơ sở của việc phân công lao động xã hội, hình thành nên thế giới nghề nghiệp với hàng nghìn nghề và hàng chục vạn công việc chuyên môn trong các nghề.

Con người ai cũng có năng lực, không năng lực này thì năng lực khác. Kể cả những người khuyết tật... vẫn có thể tự kiếm sống bằng năng lực của mình.

Năng lực không tự nhiên mà có. Thông qua giáo dục và hoạt động, năng lực hình thành và phát triển. Xã hội học tập có sứ mệnh phát huy tối đa những năng lực đang tiềm ẩn trong mỗi con người.

## **47. Năng khiếu là gì?**

Thuật ngữ “Năng khiếu” (Aptitude) dùng để chỉ khả năng tiềm tàng trong con người,

chưa thể hiện thành những năng lực thực tế, và nhất là chưa chắc chắn trở thành tài năng của con người.

Năng khiếu chỉ có thể trở thành năng lực và tài năng khi gia đình có sự chăm lo đúng đắn, nhà trường chú ý đến việc phát huy năng lực tiềm tàng của từng đứa trẻ, nhà nước có chính sách phát hiện và phát triển tài năng v.v... Tất cả những điều đó tạo thành một vườn ươm cần thiết để năng khiếu nảy nở và trở thành tài năng con người.

#### **48. Kỹ năng là gì?**

Kỹ năng (Skill) là khả năng vận dụng những kiến thức, hiểu biết của con người để thực hiện một việc gì đó, có thể là trong nghề mang tính kỹ thuật, chuyên môn, hoặc là việc liên quan đến sự giao tiếp, sinh tồn, cảm xúc.

Khi mới hình thành, kỹ năng chưa mang tính thuần thực. Qua hoạt động, kỹ năng ngày càng được củng cố và nhờ đó, nó được nâng cao để hành động trở nên thành thạo hơn.



Tay nghề là kỹ năng nghề được quy định bởi các chỉ số đo mức thành thạo trong công việc (còn gọi là bậc thợ).

#### **49. Kỹ năng cứng là gì?**

Kỹ năng cứng (Hard Skill) thường được dùng để chỉ những kỹ năng chuyên môn, nghề nghiệp - những kỹ năng mang tính kỹ thuật. Qua những trải nghiệm trong lao động, sản xuất, kinh doanh hay dịch vụ, các kỹ năng cứng tăng dần độ thuần thục, nhờ đó, người lao động được coi là đã có mức độ lành nghề khác nhau.

Kỹ năng cứng hình thành từ những khóa học chuyên môn trong các trường dạy nghề và trường đại học cũng như qua các khóa đào tạo tại doanh nghiệp, tại cơ sở sản xuất.

#### **50. Kỹ năng mềm là gì?**

Kỹ năng mềm (Soft Skill) là những kỹ năng quan trọng liên quan đến mặt cảm xúc,

trí tuệ. Kỹ năng mềm thể hiện ở khả năng hòa nhập xã hội, tương tác với cá nhân, tổ chức và cộng đồng. Kỹ năng mềm không dùng trong hoạt động chuyên môn, nhưng nó lại góp phần làm cho công việc chuyên môn có hiệu quả hơn, có chất lượng hơn. Ví dụ, trong tập thể sản xuất, mọi người giao tiếp, ứng xử một cách có văn hóa, biết tôn trọng nhau, biết động viên nhau thì năng suất lao động của đơn vị sẽ luôn đạt mức cao, không khí tâm lý giúp cho tập thể đồng thuận và gắn kết các thành viên với nhau.

Những kỹ năng mềm rất cần trong lao động là:

- Kỹ năng giao tiếp;
- Kỹ năng làm việc theo nhóm;
- Kỹ năng giải quyết những mâu thuẫn, những xung đột;
- Kỹ năng lập kế hoạch, quản lý thời gian v.v...

## 51. Kỹ năng sống là gì?

Kỹ năng sống (Life Skill) là những kỹ năng xử lý các tình huống cụ thể trong cuộc sống mà nhờ đó, con người có được cuộc sống chất lượng hơn. Kỹ năng sống phải do sự học hỏi, tập luyện mà có. Nếu kỹ năng cứng được hình thành qua các khóa đào tạo chuyên môn, kỹ năng mềm có được do trải nghiệm trong các mối quan hệ xã hội thì kỹ năng sống có được lại từ sự hướng dẫn, chia sẻ của người khác hoặc nhờ tự học, tự tìm hiểu rồi luyện tập mà có.

Những kỹ năng sống rất cần thiết như:

- Kỹ năng bơi lội;
- Kỹ năng lái xe hơi, lái ca nô, chèo thuyền...
- Kỹ năng sử dụng và chỉnh sửa những đồ gia dụng như tủ lạnh, TV, bàn là, các loại đèn điện, máy giặt;
- Kỹ năng phòng cháy, chữa cháy, thoát hiểm;
- Kỹ năng phòng bệnh, rèn luyện sức khỏe, vệ sinh thân thể v.v...

## 52. Thế nào là tài năng?

Tài năng (Talent) là thuật ngữ dùng để chỉ những năng lực vượt trội của một người cụ thể so với những người khác trong cùng một công việc hay cùng một hoạt động. Người có tài năng (nhân tài) là người được xếp ở hàng đầu trong một nhóm, một tập thể lao động khi đánh giá về kết quả, năng suất, hiệu quả và sự sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

Con người trở thành tài năng chỉ khi họ bền bỉ và say mê học hỏi suốt đời và lao động không biết mệt mỏi. Những người “tự học thành tài” trong phong trào khuyến học là minh chứng sinh động của quá trình phát triển tài năng.

## 53. Thông tin là gì?

Trong đời sống hàng ngày, con người luôn nhận được những tín hiệu từ thế giới xung quanh. Mỗi tín hiệu riêng lẻ cho ta thấy một dấu hiệu nào đó về một hiện tượng hay một sự vật mà ta gọi là dữ liệu. Hệ thống những dữ

liệu mang lại cho ta sự hiểu về hiện tượng, sự vật, sự kiện được gọi là thông tin (Information).

Nắm thông tin là việc rất cần làm hàng ngày. Thông tin về thời sự, chính trị, xã hội, thị trường, khoa học, công nghệ, thể thao, nghệ thuật... trong nước và quốc tế có tác dụng mở mang sự hiểu biết của con người. Song, chỉ nắm bắt thông tin thì con người chưa đủ khả năng can thiệp hoặc giải quyết những việc liên quan đến những thông tin đó, mà quan trọng là cách sử dụng, xử lý thông tin nhằm biến chúng thành tri thức của chính ta.

#### **54. Tri thức là gì?**

Tri thức (Knowledge) là một thuật ngữ dùng để chỉ sự HIỂU BIẾT của con người thông qua việc xử lý các thông tin, từ đó họ có thể tiến hành những hoạt động có hiệu quả.

Nếu kiến thức giúp con người hiểu được sự vật với câu trả lời “Đây là cái gì?” thì tri thức giúp con người trả lời về sự vật đó “Làm cái này bằng cách nào?”.

Chủ tịch Hồ Chí Minh dạy rằng, quá trình học tập phải qua 4 khâu: “Học → Hỏi → Hiểu → Hành”, nghĩa là học mà chưa hiểu thấu đáo thì phải hỏi, hỏi cho tường tận thì mới hiểu, khi hiểu rồi thì phải thực hành. Đạt tới trình độ làm được (hành có hiệu quả) thì kiến thức mới trở thành tri thức.

Thế giới loài người hình thành từ tri thức. Vì thế, *để cải tạo thế giới cũ, xây dựng thế giới mới, con người phải học hỏi không ngừng để có được tri thức mới.*

## **55. Kinh nghiệm là gì?**

Kinh nghiệm (Experience) là những tri thức và là sự thành thạo có được ở con người do họ trải nghiệm khi tham gia vào những hoạt động hoặc tương tác trong xã hội.

Trải qua hàng nghìn năm lao động sản xuất, chống chọi với thiên tai, dịch họa, đấu tranh giữ nước và dựng nước, các thế hệ đi trước đã để lại cho thế hệ sau những kho kinh

nghiệm hết sức đa dạng và cực kỳ phong phú. Ta gọi đó là những “kinh nghiệm xã hội - lịch sử” của nhân loại.

Giáo dục có chức năng *truyền lại những kinh nghiệm xã hội - lịch sử cho những thế hệ người học để họ biến những kinh nghiệm của nhân loại thành kinh nghiệm của cá nhân*. Tuy nhiên, hoàn cảnh sống hiện tại có thể khác biệt rất nhiều so với hoàn cảnh sống của các thế hệ trước đây, do vậy, con người phải áp dụng một cách linh hoạt, sáng tạo những kinh nghiệm quá khứ vào công việc hiện tại mới mang lại hiệu quả mong muốn.

## **56. Kiến thức là gì?**

Kiến thức (Know) của con người gồm những thông tin, những dữ liệu và kinh nghiệm xã hội - lịch sử mà họ thu thập, tích lũy được nhờ vào những trải nghiệm và trước hết là nhờ vào học tập và tự học. Kiến thức được thể hiện cụ thể ở mức độ hiểu biết của con người về sự vật, hiện

tượng trong thế giới tự nhiên và xã hội, (như hiểu được lịch sử phát triển đất nước, hiểu thế nào là chiến tranh chính nghĩa và phi nghĩa, hiểu vì sao có mưa, có lũ lụt hoặc hiểu sự cần thiết phải tập thể dục v.v...)

Khi một người học nhiều, hoạt động nhiều, trải nghiệm nhiều thì sự hiểu càng thêm sâu, kiến thức càng thêm rộng, đồng nghĩa với việc người đó tiến sâu vào bản chất của sự vật và hiện tượng.

## **57. Thế nào là hướng nghiệp?**

Hướng nghiệp (Professional Orientation) là hệ thống tác động của xã hội về các phương diện giáo dục, y tế, môi trường, xã hội học, kinh tế học... tới con người cụ thể nhằm giúp họ lựa chọn được nghề vừa phù hợp với năng lực và hứng thú của cá nhân, vừa đáp ứng được nhu cầu nhân lực của các lĩnh vực hoạt động trong nền kinh tế quốc dân.

Ngày nay, hướng nghiệp là môn học ngoại khóa, được thực hiện trong nhà trường phổ



thông, giúp các em học sinh có cơ sở định hướng, lựa chọn nghề nghiệp phù hợp cho tương lai.

## **58. Khởi nghiệp là gì?**

Khởi nghiệp là việc bắt đầu một hoạt động nghề nghiệp mà hình thức thường thấy nhất là thành lập một doanh nghiệp để kinh doanh những mặt hàng theo ý tưởng của riêng mình. Việc cung cấp những sản phẩm mới, dịch vụ mới hay thậm chí kinh doanh những mặt hàng đã có mặt trên thị trường nhưng theo ý tưởng riêng của mình... đều được gọi là khởi nghiệp.

*Doanh nghiệp khởi nghiệp* phải dựa trên một công nghệ mới hoặc tạo ra những hình thức kinh doanh mới, xây dựng một phân khúc thị trường mới, nghĩa là phải tạo ra sự khác biệt với mọi doanh nghiệp khác. Doanh nghiệp loại này tạo ra nhiều công ăn, việc làm, góp phần ổn định cuộc sống, giảm tệ nạn xã hội.

*Giáo dục khởi nghiệp* (Entrepreneurship) là việc xây dựng chương trình đào tạo tại các

cơ sở giáo dục để giúp cho người học có đủ hiểu biết và năng lực tạo lập doanh nghiệp khi họ cần khởi sự kế hoạch lập nghiệp của mình.

*Cá nhân khởi nghiệp* là người áp ứ ý tưởng, công việc kinh doanh riêng, và thành lập doanh nghiệp thực hiện công việc đó. Tại đây, họ vừa là người quản lý, vừa là người sáng lập hoặc đồng sáng lập. Hoạt động này giúp họ tạo ra công việc, thu nhập cho chính mình mà không phải bắt đầu từ việc đi làm thuê. Ai cũng có thể khởi nghiệp nhưng thường thì ý tưởng được hình thành ở các bạn trẻ đam mê làm giàu và sáng tạo.

## **59. Thế nào là nhân cách?**

Đó là những phẩm chất, năng lực và đạo đức của con người cụ thể giúp cho họ trở thành chủ thể của những hoạt động và thực hiện những mối quan hệ xã hội cần thiết, được coi là nhân cách của họ.

Chủ tịch Hồ Chí Minh dạy rằng: Con người phải vừa có đức, vừa có tài. Đức là gốc,

là những giá trị làm người, tài là năng lực để phát triển sản xuất kinh doanh và tham gia có hiệu quả vào các hoạt động.

Học tập suốt đời, tu dưỡng hàng ngày là điều kiện vô cùng quan trọng để nhân cách không bị suy thoái.

## **60. Sự cần thiết của giáo dục tại chức?**

Giáo dục tại chức (In-service Education; On-the-job Training) là hoạt động giúp cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động học tập để mở rộng kiến thức, phát triển những kỹ năng mới và nâng cao tay nghề nhằm phục vụ tốt hơn trong những công việc mà họ đang đảm nhiệm.

Giáo dục tại chức (GDTC) là một cách học mà không vì học tập mà công việc của người lao động bị gián đoạn. Hiện nay, nhờ sự phát triển của giáo dục điện tử, người lao động tiến hành công việc học tập của mình tại nơi làm việc, do đó, cách tổ chức học tại chức có những

thay đổi, trở thành phương thức học tại nơi làm việc, vì công việc.

Trong công việc, sản xuất, công nghệ thay đổi, rất nhiều kỹ năng mới cần được hình thành để đáp ứng yêu cầu của sản xuất. Do đó, việc đào tạo lại thông qua hình thức GDTC trong cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất... sẽ trở thành công việc thường xuyên, qua đó tạo ra nhân lực tại chỗ chất lượng cao.

## **61. Thế nào là phát triển bền vững?**

Theo Ngân hàng phát triển châu Á (ADB): “Phát triển bền vững là một loại hình phát triển mới, lồng ghép quá trình sản xuất với bảo tồn tài nguyên và nâng cao chất lượng môi trường. Phát triển bền vững cần phải đáp ứng các nhu cầu của thế hệ hiện tại mà không phương hại đến khả năng của chúng ta đáp ứng các nhu cầu của thế hệ trong tương lai”.

Hiện tại, chúng ta đang thực hiện mục tiêu phát triển bền vững (PTBV) đến năm 2030, theo đó, phải đạt được sự đầy đủ về vật

chất, sự giàu có về tinh thần và văn hóa, sự bình đẳng của các công dân và sự đồng thuận của xã hội, sự hài hòa giữa con người và tự nhiên; PTBV cần bao trùm lên tất cả các lĩnh vực như: kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, y tế, môi trường, an ninh, quốc phòng...

## 62. Hợp tác là gì?

Theo Bách khoa toàn thư mở (Wikipedia): Hợp tác (Collaboration) là quá trình hai hoặc nhiều người, thực thể hoặc tổ chức làm việc cùng nhau để hoàn thành một nhiệm vụ hoặc đạt được mục tiêu. Hợp tác cũng tương tự như cộng tác. Hầu hết sự hợp tác đòi hỏi sự lãnh đạo, mặc dù hình thức lãnh đạo có thể mang tính xã hội trong một nhóm phi tập trung và bình đẳng.

Trên thực tế, sự hợp tác thường thể hiện ở sự *phối hợp* hay *làm việc cùng nhau* trên cơ sở cùng thực hiện một nhiệm vụ chung, hướng đến một mục tiêu chung. *Tinh thần đoàn kết, ý thức gắn kết con người lại với nhau* là một yếu tố cốt lõi để tạo ra sự hợp tác.

### 63. Giao tiếp là gì?

Giao tiếp (Communication) là hành động truyền tải ý đồ, ý tưởng của một chủ thể tới một chủ thể khác thông qua việc sử dụng các dấu hiệu, biểu tượng và quy tắc giao tiếp mà cả hai bên cùng hiểu. Các bước chính vốn có của tất cả các hình thức giao tiếp là *hình thành động cơ* hay *lý do giao tiếp*.

Giao tiếp bao hàm sự liên lạc và tương tác giữa hai hoặc nhiều chủ thể.

*Giao tiếp được coi là chìa khóa cho bất kỳ mối quan hệ nào, kể cả mối quan hệ tình cảm cũng như quan hệ giữa thương hiệu và người tiêu dùng. Việc giao tiếp sai sẽ dẫn đến tình trạng rạn nứt hay gãy đổ các mối quan hệ.*

### 64. Thế nào là sáng tạo?

Sáng tạo (Creativity) là hoạt động tạo ra bất cứ cái gì có tính mới và tính lợi ích (trong phạm vi áp dụng cụ thể). Hoạt động sáng tạo sẽ mang lại những giá trị mới về vật chất hay tinh thần.

Từ định nghĩa trên, nội hàm của khái niệm này là:

- *Bất cứ cái gì*: Ở bất cứ lĩnh vực nào của thế giới vật chất và tinh thần.

- *Tính mới*: Là sự khác biệt của đối tượng làm ra so với đối tượng cùng loại ra đời trước đó về mặt thời gian.

- *Tính lợi ích*: Như tăng năng suất, tăng hiệu quả, tiết kiệm, giảm giá thành, thuận tiện sử dụng, thân thiện với môi trường.

- *Phạm vi ứng dụng*: Chỉ đúng trong không gian, thời gian, hoàn cảnh, điều kiện... cụ thể, nếu vượt ra ngoài thì có thể biến lợi thành hại.

## **65. Tư duy sáng tạo là gì?**

Tư duy sáng tạo (Creative Thinking) là một quá trình (hoạt động trí óc) suy nghĩ, qua đó đưa ra được những ý tưởng, sáng kiến, giải pháp hoặc sản phẩm mới để đáp ứng nhu cầu hoặc để giải quyết một vấn đề nào đó.

Bất cứ hành động nào của con người đều có từ một suy nghĩ nhất định, nhưng suy

nghĩ để dẫn đến hành động làm ra cái mới, cái có lợi thì mới là tư duy sáng tạo. Những kiểu tư duy khác như tư duy tích cực (Positive Thinking), tư duy đột phá (Break through), tư duy đa chiều hay tư duy phản biện (Critical Thinking), tư duy logic (Logical Thinking) đều có yếu tố sáng tạo nhất định.

Sức mạnh của con người chính là sức mạnh tư duy.

## **66. Nhu cầu học tập là gì?**

Nhu cầu học tập là đòi hỏi của người học đối với sự lĩnh hội nội dung kiến thức và các quá trình biến đổi... chưa có trong kho tri thức cá nhân mà họ cần được thỏa mãn để đáp ứng yêu cầu mới trong công việc, nghề nghiệp cũng như trong đời sống hàng ngày, giúp họ tồn tại và phát triển.

## **67. Khái niệm người lớn?**

Theo Bách khoa toàn thư mở: Người lớn (Adult) là người ở độ tuổi trưởng thành, thường



là những người đã trưởng thành về mặt sinh lý, có khả năng tự nuôi sống bản thân và biết chịu trách nhiệm với bản thân.

Về mặt pháp lý, người lớn có nghĩa là người có thể tham gia vào một hợp đồng. Người lớn về mặt pháp lý còn liên quan tới quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm, ví dụ như trách nhiệm tài chính, quyền kết hôn, bầu cử, có việc làm, phục vụ quân đội, sử dụng đồ uống có cồn (nếu hợp pháp), hút thuốc, quan hệ tình dục... Tuổi trưởng thành về mặt pháp lý được xem bắt đầu từ khoảng 16-21 tuổi, tùy theo khu vực, quốc gia.

## **68. Người cao tuổi gồm những độ tuổi nào?**

Những người đến tuổi nghỉ hưu, hoàn thành nghĩa vụ lao động với xã hội sẽ được xếp vào khái niệm người cao tuổi. Tuy nhiên, Luật Lao động của các quốc gia không giống nhau nên khái niệm người cao tuổi (Elder; Senior person) cũng có tính mềm dẻo nhất định.

Ở Việt Nam, nam đến tuổi 62 và nữ đến tuổi 60 sẽ được nghỉ hưu. Họ sẽ được hưởng chế độ, chính sách đối với người cao tuổi. Trong quan niệm của người Việt có sự phân biệt mức độ già của các nhóm người cao tuổi:

- Người từ 60 tuổi trở lên được coi là người cao tuổi.

- Người trên tuổi 75 là người già cả (Old person; Elderly person).

- Người từ 90 tuổi trở lên được coi là người sống lâu (long - liver).

Tất cả người cao tuổi đều cần đến những chương trình học tập thường xuyên để thích ứng với đời sống xã hội hiện đại.

## **69. Giáo dục hưu trí có những nội dung gì?**

Giáo dục hưu trí (Retirement Education) là một hoạt động giáo dục giúp cho người sắp về hưu hoặc vừa mới về hưu có một số kiến

thức và kỹ năng cần thiết để thích ứng với cuộc sống “không còn lao động nghĩa vụ”. Mặt khác, chương trình giáo dục còn chuẩn bị cho họ thái độ thoải mái, tâm trạng ổn định khi trở về đời sống hòa đồng với người dân trong cộng đồng, nơi họ sống để an dưỡng tuổi già.

Nội dung giáo dục hưu trí thường tập trung vào các chủ đề sau:

- Chuẩn bị tâm thế sống hòa mình vào cộng đồng dân cư;

- Xây dựng kế hoạch về tài chính, về chăm sóc sức khỏe cá nhân, về những hoạt động xã hội có thể tham gia.

- Tìm kiếm những công việc để có thêm thu nhập phù hợp với sức khỏe và điều kiện sống khi nghỉ hưu.

- Tham gia các khóa học dành cho người cao tuổi để phát huy những năng lực còn lại, để làm những gì theo sở thích... mà khi còn tại chức không có điều kiện tham gia.

## **70. Thế nào là phát triển cộng đồng?**

Phát triển cộng đồng (Community Development) bao gồm những hoạt động hướng vào việc nâng cao phúc lợi cho cư dân một địa phương (thành thị hoặc nông thôn), cùng chung ý thức nhóm và quyền lợi nhóm. Người dân đóng vai trò chính trong việc quyết định và tham gia các hoạt động của cộng đồng.

Nguyên tắc cơ bản trong phát triển cộng đồng là khích lệ dân cư quan tâm và có trách nhiệm đối với các hoạt động nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của cộng đồng.

## **71. Tác hại của sự nghèo nàn về tri thức như thế nào?**

Nghèo tri thức (Knowledge Poverty) là sự thiếu hụt những hiểu biết, những kỹ năng tham gia lao động sản xuất và hoạt động xã hội. Nguyên nhân cơ bản dẫn đến tình trạng nghèo tri thức là con người thiếu cơ hội và điều kiện tiếp cận giáo dục, bị “cách ly” với các nguồn thông tin và môi trường giáo dục.

Trong nền kinh tế tri thức, sự sáng tạo trên cơ sở có vốn tri thức phong phú là điều kiện hàng đầu để có được sự giàu có về thu nhập và về những điều kiện cải thiện đời sống hàng ngày, nâng cao đời sống tinh thần và văn hóa cho mỗi người.

Học tập suốt đời là giải pháp cơ bản để thoát nghèo về tri thức.

## **72. Nguồn nhân lực là gì?**

Nguồn nhân lực (Human Resource) bao gồm toàn bộ lực lượng lao động, đội ngũ nhân viên, đội ngũ công nhân đã, đang và sẽ hình thành của tổ chức, doanh nghiệp... hoạt động trong bất kỳ lĩnh vực nào của xã hội, của nền kinh tế.

Thông thường, nói đến nguồn nhân lực là đề cập tới một lực lượng lao động đang có, hoặc đang trong quá trình được đào tạo hay đào tạo lại để đáp ứng với nhiệm vụ cụ thể. Sự chuẩn bị nguồn nhân lực dựa vào các loại hình trường học, các cơ sở đào tạo theo nhu cầu lao động

trong các lĩnh vực hoạt động của nền kinh tế quốc dân.

Nguồn nhân lực chất lượng cao: chỉ chung cho lực lượng lao động lành nghề; có thể đảm nhiệm và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trong khả năng nghề nghiệp được tạo tạo.

### **73. Thế nào là môi trường số?**

Môi trường kỹ thuật số hay môi trường số (Digital Environment) là môi trường truyền thông tích hợp, nơi có các thiết bị kỹ thuật số giao tiếp và quản lý nội dung cùng hoạt động. Khái niệm này dựa trên các hệ thống điện tử kỹ thuật số được tích hợp và triển khai cho cộng đồng toàn cầu.

Môi trường số là một không gian số, trong đó, những công nghệ số đã chuyển phương thức sản xuất truyền thống trong hệ thống công nghiệp sang phương thức áp dụng các công nghệ với những kỹ thuật trụ cột như: Dữ liệu lớn, Internet kết nối vạn vật, công nghệ điện toán đám mây, liên kết chuỗi...

Môi trường số là môi trường nhân tạo, được hình thành và phát triển nhờ cách mạng công nghệ hiện đại - cách mạng chuyển xã hội tri thức sang xã hội thông minh. Cũng có người gọi môi trường số là môi trường mạng, trong đó, mọi thông tin được cung cấp, truyền dẫn, thu thập, xử lý, lưu trữ và trao đổi thông qua hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông.

#### **74. Không gian mạng là gì?**

Thuật ngữ “Không gian mạng” (Cyberspace) dùng để chỉ mạng lưới toàn cầu của các cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin phụ thuộc lẫn nhau gồm các mạng viễn thông và hệ thống những máy tính. Như vậy, không gian mạng được hiểu là một môi trường, trong đó các hoạt động được tiến hành dựa vào việc sử dụng các thiết bị điện tử nhằm khai thác thông tin qua các hệ thống được kết nối với nhau và cơ sở hạ tầng có liên quan của chúng.

Tham gia vào không gian mạng là một trải nghiệm xã hội, trong đó các cá nhân có thể tương tác, trao đổi ý kiến, chia sẻ thông

tin, cung cấp các hỗ trợ xã hội, tranh luận và đánh giá những hiện tượng, những sự kiện có liên quan đến đạo đức, chính trị, văn hóa, xã hội, giáo dục, y tế, môi trường, kinh doanh, an ninh, quốc phòng, và cả những xung đột quân sự, chiến tranh, những va chạm, đối đầu về văn hóa, chính kiến...

Là một không gian ảo, không gian mạng không có những rào cản đối với con người khi họ thực hiện những hành vi xã hội như trong không gian thực. Không gian mạng sẽ phát triển mạnh và nhanh hơn trong giai đoạn trước mắt nhờ vào những kết nối không dây 4G, 5G, các thiết bị thông minh hơn và các dịch vụ điện toán đám mây...

## **75. Tại sao không gian mạng lại là nơi tiến hành học tập suốt đời?**

Không gian mạng có một cấu trúc phức tạp, trong đó, mỗi thành phần của cấu trúc là một kho tư liệu khổng lồ vô cùng thuận lợi cho việc học tập suốt đời. Những người tự học



thường tìm kiếm và truy cập thông tin, tri thức trên mạng qua các cấu trúc sau:

1. Các mạng xã hội (Facebook, Zalo, Youtube, Instagram...);

2. Các trình duyệt Web (Google, Chrome, Firefox, Safari...);

3. Các trang Web tin tức (Yahoo, VnExpress, VTC, Vietnam News, VOV và các trang báo, tạp chí điện tử...);

4. Các công cụ tra cứu (Bing, Google Maps, Yandex, Baidu...);

5. Các tiện ích trên mạng (Email, Chat, máy truy tìm dữ liệu, các dịch vụ thương mại, dịch thuật, y tế, giáo dục, bưu thiếp điện tử...).

Với cấu trúc của không gian mạng trên đây, người ta có thể tìm được một cách dễ dàng những thông tin về các lĩnh vực hoạt động, những kiến thức mà mình đang thiếu hụt, đọc tài liệu nước ngoài nhờ công cụ phiên dịch, sử dụng các tiện ích để giao dịch, mua bán và sử dụng các dịch vụ về tri thức v.v...

Học tập trong không gian mạng là phương thức tự học triệt để nhất, hiệu quả nhất, rẻ tiền nhất... và kéo dài suốt đời.

## **76. Chính phủ số là gì?**

Chính phủ số (Digital Government), tên đầy đủ là “Chính phủ chuyển đổi số”, là chính phủ đưa toàn bộ hoạt động của mình lên môi trường số, không chỉ là nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động, mà còn đổi mới mô hình hoạt động, thay đổi cách thức cung cấp dịch vụ dựa trên công nghệ số và dữ liệu, cho phép các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp cùng tham gia vào quá trình cung cấp dịch vụ. Hay nói một cách khác, đây là quá trình chuyển đổi số của chính phủ.

Thước đo Chính phủ số là số lượng dịch vụ hành chính công giảm đi, số lượng hành chính công mới mang tính sáng tạo phục vụ xã hội tăng lên, nhờ công nghệ số và dữ liệu lớn.

## **77. Chính phủ điện tử là gì?**

Chính phủ điện tử (Electronic Government) là chính phủ ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động, phục vụ người dân và doanh nghiệp tốt hơn. Hay nói một cách khác, đây là quá trình tin học hóa các hoạt động của chính phủ.

## **78. Kinh tế số là gì?**

Kinh tế số (Digital Economy) là nền kinh tế vận hành dựa trên nền tảng công nghệ số, đặc biệt là các giao dịch điện tử tiến hành thông qua Internet.

Trong kinh tế số, giữa chủ thể và chu trình kinh tế có sự kết nối về nguồn lực nhờ vào thành tựu của công nghệ thông tin và Internet, do đó, lược bỏ được nhiều khâu trung gian, tăng cơ hội tiếp cận chuỗi giá trị toàn cầu.

Kinh tế số có 3 thành phần:

- Doanh nghiệp số (Digital Enterprise);

- Hạ tầng kinh doanh số (Digital business infrastructure);

- Thương mại điện tử (Electronic Commerce).

## **79. Xã hội số là gì?**

Xã hội số (Digital Society) là xã hội phát triển dựa trên động lực công nghệ số, tăng trưởng thông tin và dữ liệu, làm thay đổi mọi phương diện của tổ chức xã hội: Chính phủ, kinh tế, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục, cơ sở y tế... và mọi công dân trong xã hội.

Trong xã hội số, công dân có thể tương tác thuận lợi, nhanh chóng, hiệu quả cao đối với mọi hoạt động của cuộc sống như thương mại, kinh doanh, giao tiếp, giải trí, du lịch, khám bệnh, học tập trực tuyến... thông qua các kênh kỹ thuật số và các mạng lưới gồm những thiết bị được kết nối thông minh.

## **80. Doanh nghiệp công nghệ số là gì?**

Doanh nghiệp công nghệ số (Digital Technology enterprise) là các doanh nghiệp

ứng dụng các công nghệ hiện đại để thay đổi toàn bộ mô hình, phương thức kinh doanh, bao gồm cách thức làm việc, tổ chức, quản lý và văn hóa doanh nghiệp. Sự thay đổi này giúp cho doanh nghiệp phát triển phù hợp với tình hình biến đổi liên tục của thị trường.

Ứng dụng các công nghệ số trong doanh nghiệp sẽ có những tác dụng lớn sau đây:

- Xóa nhòa ranh giới giữa các phòng ban trong doanh nghiệp;
- Tăng sự minh bạch trong quản trị doanh nghiệp;
- Tối ưu hóa năng suất làm việc;
- Nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp.

## **81. Kỹ thuật số là gì?**

Kỹ thuật số (Digital) là một hệ thống kỹ thuật sử dụng các giá trị rời rạc để đại diện cho thông tin đầu vào, xử lý, truyền đi, lưu trữ...

Thông thường, kỹ thuật số liên quan đến công nghệ. Công nghệ kỹ thuật số (Digital

Technology) bao gồm tất cả các công cụ, thiết bị điện tử, hệ thống tự động, thiết bị công nghệ và tài nguyên giúp tạo dựng, xử lý hoặc lưu trữ thông tin trong các lĩnh vực khác nhau. Trong thời đại cách mạng công nghiệp 4.0, kỹ thuật số ngày càng trở nên phổ biến.

## **82. Thế nào là số hóa?**

Số hóa (Digitization) là quá trình chuyển đổi thông tin trên giấy và các quy trình thủ công thành định dạng kỹ thuật số, trong đó thông tin được tổ chức thành các tín hiệu nhị phân máy tính. Trong quá trình đó, dữ liệu không bị thay đổi. Nó chỉ đơn giản được mã hóa theo định dạng kỹ thuật số.

Khi sử dụng quy trình kỹ thuật số để tạo ra những mô hình mới trong kinh doanh, thương mại, giáo dục, y tế v.v... thì gọi là “số hóa” các hoạt động đó.

## **83. Thế nào là chuyển đổi số?**

Chuyển đổi số (Digital Transformation) là việc áp dụng các công nghệ kỹ thuật số vào

tất cả các lĩnh vực hoạt động để thay đổi cách thức vận hành, các mô hình quản lý, kinh doanh, dịch vụ... như mô hình sản xuất, tiêu dùng, mô hình khám bệnh trực tuyến, mô hình điều hành giao thông, mô hình tự động hóa điều hòa không khí và tưới cây trong nhà kính v.v... Các kết quả đó mang lại những giá trị mới cho người dân, tạo ra những thay đổi triệt để và đột phá (Disrupt) làm nên bộ mặt mới của xã hội.

#### **84. Thế nào là trường học thông minh?**

Trường học thông minh (Smart School) là trường học vận dụng linh hoạt, hiệu quả các nguồn lực trên nền tảng ứng dụng tiến bộ công nghệ kỹ thuật số, nhằm nâng cao chất lượng giáo dục, đổi mới phương pháp dạy - học, đáp ứng yêu cầu của xã hội trong đào tạo thế hệ trẻ, góp phần xây dựng xã hội thông minh, số hóa.

Trường học thông minh có các đặc điểm rõ rệt:

Cung cấp và mở rộng học tập trực tuyến;

Sử dụng công nghệ biến đổi để cung cấp các hướng dẫn phù hợp với nhu cầu, điều kiện học tập linh hoạt của từng học sinh;

Kết nối nhà trường với mạng Internet bằng thông rộng, nguồn tài nguyên giáo dục mở bằng các ứng dụng tiên bộ công nghệ kỹ thuật số;

Tập trung vào các kỹ năng STEM trong đổi mới quá trình dạy và học;

Lãnh đạo và quản lý hiệu quả dựa trên nền tảng công nghệ KT số.

## **85. Lớp học thông minh là gì?**

Lớp học thông minh (Smart Classroom) là lớp học được trang bị đầy đủ thiết bị công nghệ kỹ thuật số, giúp tối ưu hóa việc giảng dạy và học tập

Lớp học thông minh có thể chia thành các mức độ như:

- **Mức độ phổ thông:** Lớp học thông minh sẽ cung cấp hình ảnh, video sống động, kết



hợp với âm thanh giúp tác động đến nhiều giác quan, nhờ đó thu hút sự chú ý và nâng cao khả năng ghi nhớ của người học.

- **Mức độ cao cấp:** Lớp học thông minh sử dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI), thực tế ảo (VR), thực tế tăng cường (AR) để tiến hành các hoạt động mô phỏng cho một bài giảng cụ thể...

Ưu điểm nổi bật của lớp học thông minh:

1. Giáo viên điều hành toàn bộ lớp học và giám sát hoạt động trong lớp thông qua mạng máy tính cục bộ.

2. Giữa giáo viên với học sinh có sự tương tác đa chiều, tạo không khí hào hứng, thân thiện trong lớp học.

3. Không bị giới hạn trong một phòng học mà có thể kết nối với nhiều lớp học thông minh khác trong phạm vi trường học, mở rộng ra tới cộng đồng trong nước và toàn cầu.

4. Với sự hướng dẫn của giáo viên, học sinh dễ dàng trải nghiệm về địa danh lịch sử, các

công trình kiến trúc, các phòng thí nghiệm vật lý, hóa học...

5. Nâng cao hiệu quả học ngoại ngữ của học sinh.

## **86. Thế nào là thành phố thông minh?**

Thành phố thông minh (Smart City) là thành phố được xây dựng trên nền tảng công nghệ thông tin giúp kết nối và tạo lên một hệ thống hữu cơ tổng thể được kết nối từ nhiều hệ thống thành phần với hệ thống trí tuệ nhân tạo.

Hệ thống này gồm có mạng viễn thông số (dây thần kinh), hệ thống nhúng thông minh (não bộ), các cảm biến (giác quan) và phần mềm (tinh thần và nhận thức). Toàn bộ hệ thống này khi vận hành trong đô thị sẽ giúp nâng cao chất lượng cuộc sống, cải thiện chất lượng phục vụ của chính quyền thành phố, giảm tiêu thụ năng lượng và giúp quản lý hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

## **87. Thành phố thông minh dựa trên những trụ cột nào?**

Thành phố thông minh được xây dựng trên 6 trụ cột sau:

1. *Quản trị thông minh (Smart Management)*: Thiết kế lại hệ thống quản trị khi duy trì các nguyên tắc phát triển lịch sử và kinh tế thị trường.

2. *Kinh tế thông minh (Smart Economy)*: Nền kinh tế có sự đổi mới và sáng tạo cao, sức cạnh tranh cao, hệ sinh thái vận hành có hiệu quả đối với vấn đề dân sinh, đổi mới doanh nghiệp, doanh nghiệp kết nối toàn cầu.

3. *Công dân thông minh (Smart Citizen)*: Người dân có đủ năng lực sống và làm việc trong thành phố thông minh nhờ học tập suốt đời, có tư duy sáng tạo và tư duy phản biện, có nhiều đóng góp cho phát triển thành phố thông minh, kinh tế thông minh, đời sống thông minh.

4. *Đời sống thông minh (Smart life)*: Người dân có nhà ở thông minh (Smarthouse), các tiện nghi thông minh được điều khiển qua Smartphone hoặc Tablet, có thói quen mà qua đó đời sống dễ chịu, thuận lợi, không mất quá nhiều thời gian vào các việc sự vụ.

5. *Môi trường thông minh (Smart Environment)*: Môi trường với năng lượng sạch, không ô nhiễm, cấp thoát nước tốt, ...

6. *Đi lại thông minh (Smart travel follow)*: Việc đi lại thuận tiện, an toàn, tối ưu hóa phương tiện di chuyển, các chỉ dẫn giao thông tốt, các dịch vụ chia sẻ cho việc đi lại đầy đủ.

## **88. Những công nghệ chủ chốt được ứng dụng trong thành phố thông minh?**

Những công nghệ cao dưới đây có vai trò chủ chốt để vận hành thành phố thông minh:

1. *Siêu tự động hóa (Hyper Automation)*: Sự tự động hóa dựa trên các công nghệ cao như trí thông minh nhân tạo (Artificial Intelligence),

máy học (Learning machine)..., chú ý sự tinh vi trong đo lường, giám sát, đánh giá.

2. *Giao tiếp giữa máy với máy (M2M Communication)*: Đó là giao tiếp trực tiếp giữa các máy ở bất kỳ kênh liên lạc nào, có dây hay không dây.

3. *Hệ thống truyền tải năng lượng thông minh (Smart energy grids)*: Hệ thống điện lưới sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông tin để tối ưu hóa việc truyền dẫn, phân phối điện năng, hợp nhất cơ sở hạ tầng điện với cơ sở hạ tầng thông tin liên lạc.

4. *Các trợ lý ảo (Talking serviceable “bots”)*: Phần mềm giúp người dùng sử dụng những tương tác dịch vụ. Đôi khi trợ lý ảo được gọi là chatbot nếu được truy cập bằng phần mềm Chat Online.

5. *Phương tiện giao thông tự hành (Driverless Transport)*: Bao gồm ô tô, tàu hỏa không người lái, các xe tự hành (Automated Guided Vehicle) trong điều kiện bình thường.

6. *An ninh mạng tiên tiến (Advanced cybersecurity)*: Các hình thức phổ biến là bảo mật thông tin (Information security), bảo mật ứng dụng (Application security), bảo mật mạng (Network security), bảo mật hoạt động (Operational security)...

7. *Làm việc từ xa (Telework), giáo dục từ xa (TeleEducation), chữa bệnh và chăm sóc y tế từ xa (Tele - Health Service)*.

8. *Công ty ảo (Virtual companies)*: Công ty hay doanh nghiệp giao dịch không qua các phương thức trực tiếp.

## **89. Thành phố xanh được quy hoạch theo tiêu chí nào?**

Thành phố xanh (Green City) là một tổ hợp những đô thị xanh liên kề, không gian xanh, công trình xanh, giao thông xanh, công nghiệp xanh, môi trường xanh, bảo tồn cảnh quan thiên nhiên, các danh lam thắng cảnh, dân cư xanh, ... cụ thể:

- *Không gian xanh*: Mật độ xây dựng thấp, mật độ cây xanh cao, không gian công cộng lớn, mặt nước lớn, nhiều công viên...

- *Công trình xanh*: Có hệ thống cây xanh, trong xây dựng, bảo đảm dùng vật liệu xanh, vật liệu thân thiện với môi trường, sử dụng hiệu quả các nguồn năng lượng.

- *Giao thông xanh*: Tỷ lệ giao thông công cộng cao, giảm phương tiện giao thông cá nhân, đường phố sạch, không có khói bụi...

- *Công nghiệp xanh*: Nền công nghiệp sử dụng năng lượng sạch, cải tiến công nghệ sản xuất.

- *Môi trường xanh*: Bầu không khí trong sạch, không khói bụi, không ồn ào, không xả rác bừa bãi, không ngập lụt...

- *Bảo tồn văn hóa bản địa*: Giữ gìn di sản thiên nhiên.

- *Dân cư xanh*: Đời sống dân cư thân thiện, xã hội gắn kết và đồng thuận, không khí tâm lý lành mạnh, văn hóa đường phố tốt đẹp.

## **90. Thành phố toàn cầu và cách xếp hạng như thế nào?**

Thành phố toàn cầu (Global City) là thành phố có ảnh hưởng hữu hình và trực tiếp trên nền kinh tế toàn cầu thông qua các phương tiện kinh tế - xã hội, văn hóa, chính trị mà các thành phố bình thường không có.

Người ta đánh giá thành phố toàn cầu theo các tiêu chí sau: Hoạt động kinh doanh, nguồn nhân lực, trao đổi thông tin, trải nghiệm văn hóa, tầm quan trọng chính trị.

Từ năm 2020, nhiều công trình nghiên cứu về thành phố toàn cầu đã thiên về ảnh hưởng kinh tế của nó với 4 tiêu chí: a/ Kế toán; b/ Quảng cáo; c/ Ngân hàng - Tài chính; d/ Pháp luật.

Căn cứ vào các tiêu chí này, thành phố toàn cầu được chia làm 4 hạng.

1. Hạng Alpha: Có sự kết nối kinh tế toàn cầu rất mạnh.

2. Hạng Beta: Có sự kết nối kinh tế trung bình.



3. Hạng Gamma: Có sự kết nối kinh tế bình thường.

4. Hạng S: Có tiềm năng cung cấp các dịch vụ.

Hiện nay, Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh được xếp vào hạng Beta.

### **91. Thành phố học tập là gì và nó phát triển theo xu thế nào?**

Thành phố học tập (Learning City) là một đô thị mà ở đó mọi công dân được học tập bất kỳ điều gì mà họ muốn bằng các phương tiện hỗ trợ cá nhân, hòa nhập xã hội và phát triển kinh tế, nhờ đó, mỗi cá nhân được phát huy những năng lực và các phẩm chất của mình, tạo thành nhân lực cần thiết cho việc nâng cao sức cạnh tranh của thành phố.

Ngày càng có nhiều thành phố coi việc triển khai các chiến lược học tập suốt đời vì sự phát triển đô thị toàn diện, bền vững là chìa khóa để giải quyết các thách thức trong quá trình phát triển. Các thành phố này đang

hình thành những chiến lược sáng tạo để cho phép người dân ở mọi lứa tuổi được học tập các kĩ năng và chuyên môn mới trong suốt cuộc đời, từ đó chuyển đổi thành phố trở thành các “thành phố học tập”.

Viện Học tập Suốt đời của UNESCO (UIL) đã tiến hành xây dựng Mạng lưới Thành phố Học tập toàn cầu UNESCO từ năm 2012. Mạng lưới này là nền tảng trao đổi quốc tế, cho phép các thành phố chia sẻ kinh nghiệm chuyên môn và các thực hành tốt để xây dựng một “thành phố học tập”.

Ở Việt Nam, các thành phố Hồ Chí Minh, Vinh (Nghệ An), Hải Dương, Sa Đéc và Cao Lãnh (Đồng Tháp) đã được UNESCO công nhận nằm trong danh sách Mạng lưới Thành phố Học tập toàn cầu của UNESCO.

## **92. Bộ tiêu chí đánh giá thành phố học tập do UNESCO xây dựng dựa trên những cơ sở nào?**

Bộ tiêu chí đánh giá thành phố học tập do UNESCO đề xuất gồm 42 chỉ số, đã được thử

nghiệm tại 42 quốc gia. Các chỉ số đó được gắn vào các nhóm tiêu chuẩn sau:

- Các trụ cột chính của thành phố học tập.
- Các điều kiện cơ bản bảo đảm cho việc xây dựng thành phố học tập.
- Những lợi ích (tác động) của việc xây dựng thành phố học tập.

### **93. Nên hiểu thế nào là trí tuệ?**

Trí tuệ là một khái niệm có nhiều cách giải thích khác nhau, mặc dù, trong tiếng Anh hay tiếng Pháp, nó là thuật ngữ Intelligence. Thuật ngữ này bao gồm sự hiểu (Know) và sự biết (Knowledge) của con người. Người ta dựa vào những dấu hiệu sau đây để nhận biết đặc trưng của trí tuệ:

- Khả năng xử lý thông tin để giải quyết vấn đề và nhanh chóng thích nghi với tình huống mới.
- Khả năng hiểu biết các quan hệ sẵn có giữa các yếu tố của tình huống và thích nghi để thực hiện có hiệu quả công việc được đặt ra.

- Khả năng giải đáp các vấn đề mới bằng cách thích nghi kinh nghiệm và tri thức riêng với tình huống cụ thể và thoát ra khỏi các khó khăn ngoài các phương thức đã học được.

- Khả năng suy luận, lý giải, diễn dịch hoặc suy diễn, suy lý, tạo ra thông tin mới từ thông tin đã có.

- Khả năng sáng tạo.

#### **94. Thế nào là khả năng?**

Khả năng (Ability) dùng để chỉ toàn bộ các năng lực tiềm ẩn mà nhờ nó con người có thể thực hiện có hiệu quả một công việc, một hành động. Đứng trước một tình huống cụ thể, con người có thực hiện được hành động hay không tùy thuộc vào những năng khiếu và những năng lực hiện có. Nói rằng, một người có khả năng điều khiển một cuộc họp là nói đến việc anh ta có thể thực hiện được công việc đó nhờ vào những năng lực thực thi đúng vai trò trong cuộc họp và các năng khiếu điều hành nhóm.

## **95. Thế nào là thích ứng?**

Thích ứng (Adaptation) là quá trình điều chỉnh của cơ thể để đáp ứng với điều kiện sinh tồn trong môi trường tự nhiên cũng như môi trường xã hội. Môi trường luôn biến động, do đó quá trình điều chỉnh của cơ thể sẽ là liên tục.

Khả năng thích ứng là một trong những kỹ năng mềm giúp con người có thể thích nghi và hòa nhập một cách nhanh chóng với sự thay đổi của môi trường, hoàn cảnh để đạt được mục tiêu đề ra.

## **96. Thế nào là tư duy phản biện?**

Tư duy phản biện (Critical Thinking) hay tư duy phân tích là một quá trình tư duy biện chứng gồm phân tích và đánh giá một thông tin đã có theo các cách nhìn khác cho vấn đề đã đặt ra nhằm làm sáng tỏ và khẳng định lại tính chính xác của vấn đề. Lập luận phản biện phải rõ ràng, logic, đầy đủ bằng chứng, tỉ mỉ và công tâm (Theo Wikipedia).

Hiểu một cách đơn giản hơn, tư duy phản biện là quá trình tư duy *tìm lập luận phản bác lại* kết quả của một quá trình tư duy khác để xác định lại tính chính xác của thông tin.

## **97. Đông Kinh nghĩa thực là gì?**

Đông Kinh nghĩa thực (được lập ra từ tháng 3 năm 1907 và chấm dứt vào tháng 11 năm 1907) là một phong trào nhằm thực hiện cải cách xã hội Việt Nam vào đầu thế kỷ 20 trong thời Pháp thuộc. Đông Kinh nghĩa thực vận động quần chúng làm cách mạng thông qua cuộc vận động học tập, thực hiện ý tưởng *khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh*.

Có thể coi Đông Kinh nghĩa thực là trường *đại học bình dân*, nhận học sinh mọi lứa tuổi cả nam lẫn nữ, không định hướng văn bằng, không thu học phí, người học được cấp giấy, vở và tài liệu...

Mục đích lớn lao của Đông Kinh nghĩa thực là vận động người lớn đi học với 3 mục tiêu:

- Nâng cao lòng yêu nước, ý thức tự hào dân tộc, ý chí tiến thủ của quần chúng;

- Truyền bá một nền tư tưởng, học thuật mới và lối sống văn minh;

- Hỗ trợ phong trào Đông Du của Phan Bội Châu, phong trào Duy Tân của Phan Chu Trinh.

Tuyên bố của Đông Kinh nghĩa thực:

“Làm cho cả nước văn minh thì phải có giáo dục phổ cập. Giáo dục phổ cập là cả nước không có một người nào không đi học”.

### **98. Truyền bá quốc ngữ có mục đích hoạt động như thế nào?**

“Truyền bá quốc ngữ” là một Hội quần chúng được thành lập theo chủ trương của Đảng Cộng sản Đông Dương. Các ông Đặng Thai Mai, Võ Nguyên Giáp, Trần Huy Liệu, Phan Thanh, Nguyễn Hữu Đang và nhiều nhà hoạt động cách mạng đã thực hiện việc tổ chức Hội.

Cụ Nguyễn Văn Tố là Hội trưởng đầu tiên và cụ Bùi Kỷ là Phó Hội trưởng. Hội Truyền bá quốc ngữ hoạt động từ năm 1938 đến năm 1945.

Hội Truyền bá quốc ngữ vận động nhân dân tham gia vào phong trào xóa mù chữ quốc

ngữ để từ đó giác ngộ cách mạng. Khẩu hiệu chính của Hội là: “*Chữ quốc ngữ cho mọi người*”.

Hội đã có nhiều hoạt động tích cực để nhanh chóng xóa nạn mù chữ như mở các lớp học chữ quốc ngữ, tổ chức các buổi diễn thuyết để truyền bá những tư tưởng mới, xuất bản sách, lập thư viện bình dân, cấp giấy bút, tài liệu miễn phí cho người học.

Truyền bá quốc ngữ đã tạo nên một cuộc vận động lớn với quy mô toàn quốc về xóa mù chữ quốc ngữ cho nhân dân.

### **99. Bình dân học vụ mang lại những lợi ích gì?**

Ngày 3/9/1945, tại phiên họp đầu tiên của Chính phủ cách mạng lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đặt vấn đề chống nạn thất học, coi mù chữ là một loại giặc cực kỳ nguy hiểm, giống như giặc đói và giặc ngoại xâm.

Ngày 8/9/1945, ông Võ Nguyên Giáp, Bộ trưởng Bộ Nội Vụ, đã ký 3 sắc lệnh:



- Sắc lệnh 17/SL: Đặt ra một Bình dân học vụ trên toàn cõi Việt Nam.

- Sắc lệnh 19/SL: Trong toàn cõi Việt Nam, làng nào cũng có những lớp học bình dân, mỗi lớp ít nhất cũng phải có 30 học viên.

- Sắc lệnh 20/SL: Hạn trong 1 năm (từ ngày ra Sắc lệnh), mọi người trên 8 tuổi phải biết đọc, biết viết.

Năm 1946, nhân dân cả nước nhất tề đứng lên kháng chiến chống sự xâm lược của thực dân Pháp. Các lớp bình dân được tổ chức tại các thôn bản, xóm làng, cơ sở sản xuất, các cơ quan... Lớp học bình dân đi theo bước chân các đoàn quân ra mặt trận.

Chỉ riêng năm đầu tiên triển khai các lớp Bình dân, cả nước có 75.000 lớp học, 96.000 người dạy học không lấy tiền thù lao, 2,5 triệu người biết đọc, biết viết. Năm 1957, Thủ Thủ tướng đưa ra kế hoạch mở “*Chiến dịch Điện Biên Phủ diệt dốt*”. Tại thời điểm này, số người mù chữ ở miền Bắc chỉ còn hơn 2 triệu.

Đến đây, mù chữ không còn là quốc nạn.

## **100. Hiệu quả lớn lao của Bổ túc văn hóa là gì?**

Bổ túc văn hóa là công việc tiếp nối Bình dân học vụ. Trước hết, khi đã thoát mù chữ thì nhất thiết phải bổ túc kiến thức, nhanh chóng nâng cao trình độ để phục vụ công việc tốt hơn. Mặt khác, không tiếp tục học, bổ túc kiến thức thì sẽ tái mù chữ.

Năm 1948, Nha Bình dân học vụ xây dựng 4 chương trình giáo dục:

- Sơ cấp bình dân: Mãn khóa người học biết đọc, biết viết.

- Dự bị bình dân: Mãn khóa đạt trình độ lớp 2 phổ thông.

- Bổ túc bình dân cấp I: Mãn khóa có trình độ lớp 4 phổ thông.

- Bổ túc bình dân cấp II: Mãn khóa đạt trình độ cấp II phổ thông.

Sau đó vài năm, nhiều địa phương mở các trường bổ túc bình dân dành cho thanh niên có những thành tích kháng chiến xuất sắc.

Tháng 2/1951, Đảng chủ trương mở các trường lớp bổ túc văn hóa cho cán bộ các cấp. Trường *Phổ thông lao động* được hình thành, tiếp theo là hệ thống trường *Bổ túc công nông*, dành cho anh hùng lao động, chiến sĩ thi đua và cán bộ cốt cán nhằm giúp cho đội ngũ này chuẩn bị học đại học.

Bên cạnh trường *Bổ túc công nông* còn có các trường *Bổ túc văn hóa* ở các địa phương với 3 loại hình:

- *Bổ túc văn hóa tại chức.*
- *Bổ túc văn hóa tập trung.*
- *Bổ túc văn hóa cho thanh niên chưa tham gia lao động.*

Hệ thống trường *Bổ túc văn hóa* đã góp phần tích cực nâng cao chất lượng nhân lực. Tuy nhiên, do thiên về dạy văn hóa đơn thuần nên các trường *Bổ túc văn hóa* chưa làm hết nhiệm vụ giáo dục, đào tạo người lớn với đúng nghĩa là giáo dục thường xuyên theo quan điểm xã hội học tập./.

*Hỏi - Đáp về công tác*  
**KHUYẾN HỌC, KHUYẾN TÀI,  
XÂY DỰNG XÃ HỘI HỌC TẬP**  
**HỘI KHUYẾN HỌC VIỆT NAM**

---

**NHÀ XUẤT BẢN DÂN TRÍ**

Số 9 - Ngõ 26 - Phố Hoàng Cầu - Q. Đống Đa - TP. Hà Nội  
VPGD: Số 278 Tôn Đức Thắng, Q. Đống Đa - TP Hà Nội  
ĐT: (024). 66860751 - (024). 66860753  
Email: nxbdantri@gmail.com  
Website: nxbdantri.com.vn

*Chịu trách nhiệm xuất bản:*  
**BÙI THỊ HƯƠNG**

*Chịu trách nhiệm nội dung:*  
**LÊ QUANG KHÔI**

*Biên tập:* Vũ Thị Thu Ngân

*Vẽ bìa:* Nguyễn Thẩm

*Chế bản:* Như Loan

*Sửa bản in:*

---

In cuốn, khổ 13 x 19 cm tại Công ty .

Địa chỉ: , Hà Nội.

Số xác nhận đăng ký xuất bản: -2022/CXBIPH/ - /DT.

Quyết định xuất bản số: /QĐXB-NXBĐT do Nhà xuất bản  
Dân Trí cấp ngày //2022. Mã ISBN: 978-604- . In xong, nộp  
lưu chiếu năm 2022.